

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác nước khoáng tại mỏ nước khoáng Phú Sen (Giếng PS1) của Công ty TNHH Kỹ nghệ thực phẩm Phú Yên.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Công văn số 35/KNTPPY ngày 24/8/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 864/TTr-SNNMT ngày 10/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác nước khoáng tại mỏ nước khoáng Phú Sen (Giếng PS1) (sau đây gọi là *Dự án*) của Công ty TNHH Kỹ nghệ thực phẩm Phú Yên (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và MT tỉnh;
- UBND xã Phú Hòa 1;
- Cty TNHH Kỹ nghệ thực phẩm Phú Yên
(Đ/c: Thôn Cẩm Thạch, xã Phú Hòa 1)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC KHOÁNG TẠI MỎ NƯỚC KHOÁNG PHÚ SEN
(GIẾNG PS1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác nước khoáng tại mỏ nước khoáng Phú Sen (Giếng PS1).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Kỹ nghệ thực phẩm Phú Yên.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Diện tích đất sử dụng: Dự án Khai thác nước khoáng tại mỏ nước khoáng Phú Sen (Giếng PS1) có diện tích 314 m². Ranh giới khu vực hành lang bảo vệ nguồn nước khoáng và giếng khai thác PS1 được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Tên điểm góc	Toạ độ VN-2000 kính tuyến trực 108°30' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
Toạ độ các điểm góc hành lang bảo vệ nguồn nước khoáng		
1	1.439.512,013	570.281,624
2	1.439.632,608	570.663,012
3	1.438.774,485	570.934,351
4	1.438.653,890	570.552,963
Toạ độ giếng khoan PS1		
Giếng PS1	1.439.064,060	570.268,357

b) Quy mô đầu tư:

- Công suất khai thác: 690 m³/ngày đêm
- Thời gian hoạt động mỏ: 30 năm.
- Loại hình dự án: Khai thác khoáng sản (khoáng sản nhóm III).

1.3. Công nghệ khai thác

Công nghệ khai thác dự án là khai thác nước dưới đất bằng giếng khoan, sử dụng máy bơm nước, cụ thể như sau: Giếng khoan PS1 → Máy bơm nước → Hệ thống đường ống dẫn → Cấp nước sử dụng.

1.4. Phạm vi

a) Hạng mục công trình chính: Giếng khoan khai thác PS1, hệ thống thu nước tại đầu giếng, bể chứa nước khoáng chảy tràn, máy bơm khai thác, bồn chứa nước khoáng, hệ thống đường ống cấp nước khoáng tới điểm đầu nối trong diện tích 314 m².

b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường: Tường rào bảo vệ, Nhà đặt máy bơm; rãnh thoát nước xung quanh khu vực nền giếng để thu gom nước mưa chảy tràn và lượng nước khoáng tự chảy/nước kỹ thuật phát sinh.

c) Hoạt động của Dự án:

- Khai thác nước khoáng với lưu lượng 690 m³/ngày đêm.
- Bơm, dẫn và phân phối nước đến Nhà máy sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai và Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng nước nóng Phú Sen.
- Vận hành và bảo dưỡng định kỳ giếng khai thác, máy bơm, đường ống và các công trình phụ trợ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn khai thác: Hoạt động khai thác; vận hành máy bơm và thiết bị; hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; vận hành hệ thống thu gom nước; hoạt động công nhân...phát sinh tiếng ồn, độ rung, rò rỉ thất thoát nước khoáng, phát sinh chất thải từ hoạt động của công nhân.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Tháo dỡ máy bơm, mô tơ điện, van khóa, đồng hồ đo lưu lượng, bồn chứa nước khoáng. Tháo dỡ các phụ kiện và các đoạn đường ống kết nối trực tiếp với thiết bị khai thác không còn nhu cầu sử dụng. Thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải phát sinh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn khai thác như sau:

- + Nước thải sinh hoạt: Dự án không phát sinh nước thải tại khu vực khai thác.
- + Nước thải từ hoạt động vệ sinh công trình, thiết bị: Lưu lượng tối đa khoảng 0,05–0,10 m³/lần vệ sinh, định kỳ vệ sinh khoảng 2-3 năm/lần. Thành

phần nước thải chủ yếu TSS, cặn bần, đất cát, một lượng nhỏ chất hữu cơ.

+ Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,002 m³/s. Thành phần đặc trưng gồm chất rắn lơ lửng (TSS), COD, Nitơ tổng và Photpho tổng.

- Nước thải của dự án trong giai đoạn phục hồi môi trường chủ yếu là nước thải sinh hoạt khoảng 0,15 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn khai thác bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đi lại của nhân viên; phương tiện ra vào khu vực dự án; hoạt động bảo trì, vệ sinh giếng... Thành phần bụi, khí thải chủ yếu gồm bụi và các khí như CO, NO_x, SO₂, VOC và CO₂.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông và tháo dỡ thiết bị... Thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm CO, NO_x, SO₂, VOC, CO₂ và bụi.

3.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trong giai đoạn khai thác công nhân đến kiểm tra máy bơm hàng ngày và không sinh hoạt thường xuyên tại dự án, nên hầu như không phát sinh chất thải. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường với khối lượng phát sinh khoảng 1,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Trong giai đoạn khai thác: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống, với khối lượng khoảng 5-10 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm phế liệu, van khóa, gioăng cao su, bu lông, đai ốc, bao bì vật tư (giấy, carton, nilon), bùn cát và cặn khoáng tự nhiên không chứa thành phần nguy hại.

+ Trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Phát sinh từ hoạt động tháo dỡ từ thiết bị, với khối lượng khoảng 100-200 kg. Thành phần chủ yếu gồm phế liệu kim loại, đường ống inox, cáp điện, dây dẫn, gioăng cao su, vật liệu bao gói và một số vật tư hư hỏng.

- Chất thải rắn nguy hại: Trong giai đoạn khai thác và cải tạo phục hồi môi trường không phát sinh chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:

- Hoạt động tháo dỡ máy bơm, mô tơ điện và vận chuyển thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung cục bộ từ các thiết bị cơ khí và phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Tác động cộng hưởng đến tài nguyên nước: Khi lưu lượng khai thác tăng, mức độ hạ thấp mực nước có xu hướng gia tăng, đồng thời có khả năng cộng hưởng với hoạt động khai thác nước dưới đất khác trong phạm vi ảnh hưởng. Đặc biệt, trường hợp khai thác công suất cao trong mùa khô làm giảm khả năng bổ cập nguồn nước tự nhiên. Tác động được kiểm soát thông qua giới hạn lưu lượng khai thác, quan trắc mực nước, lưu lượng và chất lượng nước khoáng; đồng thời theo dõi các hoạt động khai thác nước dưới đất trong khu vực dự án.

- Tác động do khai thác: Hoạt động khai thác nước khoáng phải tuân thủ nghiêm công suất, lưu lượng và thời gian khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Nếu khai thác vượt công suất được cấp phép hoặc không thực hiện đúng chế độ vận hành có thể dẫn đến suy giảm mực nước, giảm lưu lượng khai thác, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của tầng chứa nước. Do đó, chủ dự án thường xuyên theo dõi đo lưu lượng, ghi chép nhật ký khai thác, kiểm soát sản lượng khai thác thực tế và định kỳ đối chiếu với công suất được cấp phép; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra và giám sát theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước để bảo đảm khai thác nguồn nước khoáng an toàn, hợp lý và bền vững.

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- *Nước thải từ hoạt động vệ sinh công trình, thiết bị:* Được thu gom qua rãnh thoát nước sau đó dẫn về hố lắng để lắng cặn khoáng trước khi thoát ra môi trường.

- *Nước thải từ hoạt động bảo trì, vệ sinh giếng khoan:* Nước thải được lắng tách cặn trước khi xả ra môi trường; bùn cặn sau lắng được thu gom, để khô và chuyển giao xử lý hoặc thải bỏ đúng quy định.

- *Nước mưa chảy tràn:* Nước mưa chủ yếu thấm tự nhiên xuống nền đất, một phần chảy theo địa hình tự nhiên.

- *Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn đóng cửa mỏ:* Sử dụng chung nhà vệ sinh của dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng nước nóng Phú Sen tiếp giáp Mỏ.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Đối với phương tiện, máy móc: Sử dụng thiết bị còn hạn kiểm định, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; bảo dưỡng định kỳ, tắt động cơ khi không sử dụng và hạn chế phương tiện chạy không tải.

- Đối với bụi từ hoạt động đi lại: Vệ sinh thường xuyên khu vực nhà bơm, đường nội bộ và đầu giếng; hạn chế di chuyển không cần thiết trong thời tiết khô, nắng.

- Đối với hoạt động bảo trì, vệ sinh giếng: Sử dụng thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, bảo dưỡng thường xuyên; thực hiện trong thời gian ngắn và tại khu vực thông thoáng.

- Đối với khí CO₂ tự nhiên từ nước khoáng: Duy trì nhà bơm thông thoáng, bảo đảm lưu thông không khí và hướng dẫn người vận hành các biện pháp an toàn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt được thu gom sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Thu gom, phân loại các chất thải có thể tái sử dụng bán cho đơn vị tái chế. Các chất thải còn lại không tái sử dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Dự án không phát sinh chất thải nguy hại. Trường hợp có phát sinh ngoài dự kiến, chủ dự án phải phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn khai thác: Máy bơm được lắp đặt cố định, có đệm giảm chấn và khớp nối mềm; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, kịp thời xử lý bất thường về tiếng ồn, độ rung. Thực hiện các biện pháp bảo đảm đáp ứng quy chuẩn hiện hành về tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Sử dụng thiết bị đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ; hạn chế vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây ồn, trang bị bảo hộ chống ồn cho người lao động và rút ngắn thời gian thi công.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ, hư hỏng hệ thống đường ống dẫn nước khoáng:* Sử dụng đường ống, van khóa và phụ kiện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; kiểm tra định kỳ tình trạng đường ống, mối nối và thiết bị; thay thế kịp thời các bộ phận

hư hỏng; lắp đặt van khóa để cô lập khu vực xảy ra sự cố; dùng bơm, khóa van và sửa chữa ngay khi phát hiện rò rỉ.

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố cạn kiệt hoặc suy giảm chất lượng nguồn nước khoáng*: Quản lý lưu lượng khai thác theo giấy phép; thực hiện quan trắc tài nguyên nước và chất lượng nước khoáng định kỳ; duy trì khu vực bảo hộ vệ sinh đầu giếng; theo dõi các hoạt động khai thác nước dưới đất và điều chỉnh chế độ khai thác khi phát hiện dấu hiệu suy giảm nguồn nước.

- *Biện pháp ứng phó mưa, bão và thiên tai*: Kiểm tra, gia cố nhà trạm, mái che, hàng rào và hệ thống đường ống trước mùa mưa bão; duy trì, vệ sinh hệ thống thoát nước; theo dõi thông tin dự báo thời tiết và tạm dừng khai thác khi xảy ra thiên tai nghiêm trọng.

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố biến đổi chất lượng nước khoáng*: Khai thác đúng công suất được cấp phép; bảo đảm kết cấu kín của giếng khai thác và hệ thống đường ống; không để nguồn ô nhiễm phát sinh tại khu vực đầu giếng; quan trắc chất lượng nước khoáng định kỳ và ngừng khai thác để kiểm tra khi phát hiện biến động bất thường.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học*: Quản lý chặt chẽ phạm vi hoạt động của dự án, không mở rộng diện tích khai thác ngoài khu vực được cấp phép; thu gom, kiểm soát và điều tiết lượng nước khoáng tự chảy; kiểm tra bể chứa, rãnh thoát, điểm làm nguội và điểm thoát nước nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái suối Muông; thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước và môi trường nước khu vực tiếp nhận; kịp thời phát hiện, khắc phục các tác động bất lợi đến hệ sinh thái và thường xuyên giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến trữ lượng nguồn nước khoáng*: Kiểm soát tổng lưu lượng khai thác nghiêm ngặt không vượt quá 690 m³/ngày đêm; phân bổ thời gian và lưu lượng bơm hợp lý trong ngày để tầng chứa nước có thời gian phục hồi tự nhiên. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đạt chuẩn và ghi nhật ký vận hành hàng ngày; thực hiện quan trắc động thái nước dưới đất tại giếng PS1 và các giếng dân sinh lân cận để kịp thời phát hiện nguy cơ suy giảm trữ lượng nguồn nước.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến chất lượng nguồn nước khoáng*: Duy trì tình trạng kín của giếng khai thác, hệ thống đường ống và thiết bị dẫn nước; không để dầu mỡ, hóa chất, chất thải hoặc nguồn gây ô nhiễm phát sinh tại khu vực đầu giếng; thường xuyên vệ sinh khu vực khai thác và thực hiện quan trắc chất lượng nước khoáng định kỳ; kịp thời kiểm tra, khắc phục khi phát hiện dấu hiệu bất thường về chất lượng nguồn nước.

- *Biện pháp quản lý khai thác theo đúng công suất được cấp phép*: Vận hành giếng khai thác đúng công suất được cấp phép, phân bổ khai thác phù hợp trong ngày; kiểm soát sản lượng thông qua đồng hồ đo lưu lượng, ghi chép nhật

ký vận hành hằng ngày; thực hiện quan trắc, báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước; không tự ý thay đổi chế độ khai thác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

- Tháo dỡ máy bơm, mô tơ điện, van khóa, đồng hồ đo lưu lượng, bồn chứa nước khoáng;
- Tháo dỡ các phụ kiện và đoạn đường ống kết nối trực tiếp với thiết bị bơm khai thác;
- Vệ sinh, kiểm tra khu vực giếng khai thác PS1;
- Thu gom, chuyển giao chất thải từ hoạt động tháo dỡ thiết bị;
- Lắp đặt biển báo khu vực giếng khai thác.

Đối với các công trình như bể chứa nước khoáng, hệ thống đường ống dẫn nước trong diện tích 314 m², hệ thống cấp điện, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác, chủ dự án tiếp tục quản lý, bảo dưỡng để duy trì hiện trạng. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về cải tạo, phục hồi môi trường và kết thúc hoạt động khai thác, sẽ bàn giao địa phương quản lý để tận dụng sử dụng hoặc tiếp tục xin gia hạn theo quy định.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường: 19.804.000 đồng (*Viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*).
- Số lần ký quỹ: 01 lần (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định “b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 01 năm trở lên thì được phép ký quỹ nhiều lần”. Chủ dự án ký quỹ 01 lần với tổng số tiền 19.804.000 đồng (Số tiền này đã bao gồm yếu tố trượt giá).
- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ trước ngày đăng ký bắt đầu khai thác.
- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

6.1. Giám sát môi trường giai đoạn khai thác

a) Giám sát chất lượng nước khoáng

- Thông số giám sát chất lượng nước khoáng: pH, độ đục, độ cứng tổng số, chỉ số pecmanganat, NH₄⁺, PO₄³⁻, NO₂⁻, NO₃⁻, Fe, coliform, E.coli, SiO₂, F-.
- Vị trí giám sát: Tại giếng khai thác PS1.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn/tiêu chuẩn đối chiếu: QCVN 09:2023/BTNMT đối với chất lượng nước dưới đất.

b) Giám sát động thái khai thác tại giếng PS1

Thông số giám sát: Tổng lưu lượng khai thác, mực nước tĩnh, mực nước động, độ sụt lún và tình trạng tự chảy của giếng PS1.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động thực hiện công tác ghi chép nhật ký khai thác hàng ngày gồm: Lưu lượng khai thác, thời gian bơm, mực nước động và nhiệt độ được ghi nhận hằng ngày hoặc theo dữ liệu thiết bị đo đối chiếu với ngưỡng cảnh báo khi có dấu hiệu mực nước động hạ thấp liên tục, phục hồi chậm, nhiệt độ, thành phần khoáng biến động bất thường. Chủ dự án giảm lưu lượng, điều chỉnh chế độ bơm hoặc tạm dừng khai thác để kiểm tra và báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

c) Giám sát động thái nước dưới đất khu vực lân cận

- Vị trí giám sát: Giếng đào nông của hộ dân gần nhất (cách 170m về phía Bắc).

- Thông số giám sát: Giám sát mực nước gồm đo mực nước tĩnh tại giếng bằng thiết bị đo mực nước chuyên dụng, ghi nhận cao độ miệng giếng và chiều sâu mực nước tại thời điểm quan trắc. Kết quả được so sánh giữa các kỳ quan trắc và giữa mùa mưa, mùa khô để xác định xu hướng biến động, đặc biệt là khả năng hạ thấp mực nước trong mùa khô.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 06 tháng/lần (Trong đó bố trí 01 lần vào mùa mưa và 01 lần vào mùa khô để đánh giá điều kiện bất lợi nhất đối với mực nước dưới đất).

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b) Giám sát động thái nước dưới đất khu vực lân cận

- Vị trí giám sát: Giếng đào nông của hộ dân gần nhất.
- Thông số giám sát: Giám sát mực nước gồm đo mực nước tĩnh tại giếng bằng thiết bị đo mực nước chuyên dụng, ghi nhận cao độ miệng giếng và chiều sâu mực nước tại thời điểm quan trắc.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được triển khai các nội dung sau khi hoàn tất các thủ tục Đất đai, Môi trường, Địa chất Khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản;

7.4. Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

7.5. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn trong lao động và môi trường trong khu vực khai thác và sau khi đóng cửa mỏ; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác nhất là trước, trong và sau khi kết thúc khai thác.

7.6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

7.7. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai thác, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.8. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, sự cố môi trường hàng năm nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ, môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.9. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong khai thác; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.10. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.11. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.12. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo trong quá trình hoạt động, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

7.13. Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7.14. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường./.